

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 249/SNNMT-KSNMT

An Giang, ngày 18 tháng 3 năm 2025

V/v triển khai thực hiện Nghị định số
05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị
định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022
của Chính phủ quy định chi tiết một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Để kịp thời triển khai Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Sở Nông nghiệp và Môi trường khái quát một số điểm mới được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP cần được quan tâm, lưu ý, như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung việc xác định yếu tố nhạy cảm về môi trường (tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

2. Bổ sung Điều 26a vào trước Điều 26 như sau:

“Điều 26a. Phân cấp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Phân cấp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường (nếu thuộc đối tượng cấp giấy phép môi trường) đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường (trừ dự án thuộc một trong các trường hợp: Nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên; nằm trên vùng biển chưa xác định trách nhiệm quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; có nguồn tiếp nhận nước thải là nguồn nước mặt liên tỉnh đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước) sau đây:

- a) Dự án đầu tư công không thuộc thẩm quyền quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, trừ dự án thực hiện dịch vụ tái chế, xử lý chất thải;
- b) Dự án chăn nuôi gia súc;
- c) Dự án đầu tư kinh doanh cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm;
- d) Dự án được phân loại chỉ theo tiêu chí có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử

dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên;

đ) Dự án được phân loại chỉ theo tiêu chí có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, vùng đất ngập nước quan trọng, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, đất có rừng tự nhiên và không thuộc thẩm quyền quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ;

e) Dự án đầu tư trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, không bao gồm: Dự án thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại; dự án có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất; dự án khác thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất lớn quy định tại cột (3) Phụ lục II Nghị định này; dự án đầu tư mở rộng của cơ sở đang hoạt động được miễn trừ đầu nổi theo quy định của pháp luật có lưu lượng nước thải thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ trở lên;

g) Dự án thủy điện không thuộc thẩm quyền quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ.

2. Thời hạn thẩm định, phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này được xác định theo thời hạn thẩm định, phí thẩm định như đối với dự án, cơ sở thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Rà soát, chuẩn bị, hoàn thiện các điều kiện về tài chính, nguồn nhân lực và điều kiện cần thiết khác để bảo đảm việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp. Việc giải quyết thủ tục hành chính đối với các trường hợp được phân cấp phải bảo đảm công khai, minh bạch, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện;

b) Chịu trách nhiệm trước Bộ Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở đã được phân cấp;

c) Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với dự án đã được phân cấp phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường theo chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trừ trường hợp kiểm tra, thanh tra đột xuất theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

d) Báo cáo định kỳ 06 tháng/lần (trước ngày 15 tháng 01 và ngày 15 tháng 7 hàng năm) hoặc đột xuất về kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân cấp gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để theo dõi; đ) Chỉ đạo xây dựng, vận hành, cập nhật, tích hợp cơ sở dữ liệu về đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường của đối tượng được phân cấp vào cơ sở dữ liệu môi trường cấp tỉnh, đảm bảo liên thông với cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 26, tham vấn cộng đồng trong đánh giá tác động môi trường, trong đó có một số điểm cần chú ý: theo đó, ngoài họp lấy ý kiến

theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, chủ dự án đầu tư được tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án đầu tư thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

- Việc tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp được thực hiện thông qua hình thức tham vấn họp lấy ý kiến hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

- Chủ dự án đầu tư có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã gửi giấy mời tới toàn bộ cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp để tham dự cuộc họp tham vấn lấy ý kiến. Trường hợp cộng đồng dân cư, cá nhân không tham dự cuộc họp tham vấn lấy ý kiến thì phải lấy ý kiến bằng văn bản thông qua hình thức gửi phiếu lấy ý kiến.

- Số lượng người tham dự họp lấy ý kiến và đã được tham vấn thông qua hình thức gửi phiếu lấy ý kiến phải đảm bảo từ hai phần ba trở lên trên tổng số người chịu tác động trực tiếp; các cá nhân trong cùng một hộ gia đình có thể được lấy ý kiến thông qua người đại diện của hộ gia đình đó; trường hợp cá nhân nhận được phiếu lấy ý kiến nhưng không tham gia cho ý kiến trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được phiếu lấy ý kiến thì được coi là đã được tham vấn. Như vậy, chủ dự án đầu tư được tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án đầu tư thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu cộng đồng dân cư, cá nhân không tham dự cuộc họp tham vấn lấy ý kiến.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3; bổ sung các khoản 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 vào sau khoản 3 Điều 27 liên quan đến việc thực hiện trách nhiệm đánh giá tác động môi trường...

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 28, nội dung chính của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường...

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 29, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy phép môi trường... Trong đó có, kéo dài thời hạn cấp giấy phép môi trường đối với trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này:

- Trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an: thời hạn 20 ngày (trước đây là 15 ngày).

- Trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: thời hạn 15 ngày (trước đây là 10 ngày). Trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp huyện: thời hạn 10 ngày (trước đây là 05 ngày).

- Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải thực hiện thủ tục trên môi trường điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến toàn trình: thời hạn 20 ngày.

- Trong quá trình kiểm tra cấp giấy phép môi trường đối với cơ sở, đoàn kiểm tra thực hiện quan trắc chất thải sau xử lý trước khi xả thải ra môi trường đối với cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư có số thứ tự 1 Mục I Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này. Việc quan trắc chất thải của đoàn kiểm tra thực hiện tối thiểu 01 lần (lấy mẫu đơn). Trường hợp cơ sở có nhiều công trình xử lý bụi, khí thải

tương đồng về thông số ô nhiễm đặc trưng được xử lý, công nghệ, thiết bị xử lý thì đoàn kiểm tra lựa chọn 01 công trình có công suất xử lý lớn nhất để quan trắc, đánh giá hiệu quả xử lý cho các công trình xử lý bụi, khí thải tương đồng này. Chi phí cho hoạt động lấy và phân tích mẫu chất thải của đoàn kiểm tra được lấy từ nguồn phí thẩm định cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí. Thời gian phân tích mẫu chất thải và hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở không tính vào thời hạn cấp giấy phép môi trường. Trường hợp kết quả phân tích mẫu chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, chủ cơ sở có trách nhiệm kiểm tra, khắc phục và thực hiện quan trắc bổ sung 01 mẫu đối với công trình xử lý chất thải đã được khắc phục để bảo đảm đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải. Sau khi khắc phục, chủ cơ sở nộp lại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường để được tiếp tục xem xét, xử lý theo quy định.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 30, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường...

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 31, Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường...

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 32, Đối tượng được miễn đăng ký môi trường:

- Dự án đầu tư, cơ sở quy định tại điểm a khoản 2 Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường.

- Dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường khi đi vào vận hành và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không phát sinh chất thải hoặc đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau: Phát sinh thường xuyên chất thải nguy hại dưới 20 kg/tháng hoặc dưới 240 kg/năm; phát sinh thường xuyên chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý dưới 100 kg/tháng hoặc dưới 1.200 kg/năm; phát sinh chất thải rắn sinh hoạt dưới 300 kg/ngày; phát sinh nước thải dưới 05 m³/ngày và phát sinh khí thải dưới 50 m³/giờ được xử lý bằng công trình thiết bị xử lý tại chỗ hoặc được quản lý theo quy định của chính quyền địa phương.

- Đối tượng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường được quy định cụ thể tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Nghị định này.”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 53 như sau:

“1. Chủ dự án đầu tư thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường có trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất đối với ít nhất một hoạt động hoặc công đoạn sản xuất theo lộ trình như sau:

a) Trước ngày 01 tháng 01 năm 2030 đối với dự án đầu tư thuộc Mức I Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Trước ngày 01 tháng 01 năm 2031 đối với dự án đầu tư thuộc Mức II Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Trước ngày 01 tháng 01 năm 2032 đối với dự án đầu tư thuộc Mức III Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Chủ cơ sở thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường có trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất đối với ít nhất một hoạt động hoặc công đoạn sản xuất theo lộ trình như sau:

a) Trước ngày 01 tháng 01 năm 2031 đối với cơ sở thuộc Mức I Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Trước ngày 01 tháng 01 năm 2032 đối với cơ sở thuộc Mức II Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Trước ngày 01 tháng 01 năm 2033 đối với cơ sở thuộc Mức III Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 63 như sau:

“2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm sau:

a) Ban hành theo thẩm quyền quy định, chương trình, kế hoạch về quản lý chất thải rắn sinh hoạt;

b) Tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ về quản lý chất thải rắn sinh hoạt;

c) Tổ chức triển khai hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định;

d) Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường;

đ) Thực hiện trách nhiệm khác theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm sau:

a) Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 7 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường;

b) Xây dựng kế hoạch, phương án hoặc nội dung thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn;

c) Tổ chức triển khai hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định;

d) Thực hiện trách nhiệm khác theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp trên.”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 71 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau: “2. Đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc các nhóm I, II, III quy định tại các Phụ lục III, IV và V ban hành kèm theo Nghị định này có phát sinh thường xuyên chất thải nguy hại với tổng khối lượng từ 100 kg/tháng trở lên hoặc từ 1.200 kg/năm trở lên trong quá trình vận hành thì phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau: “4. Phối hợp với chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại để lập chứng từ chất thải nguy hại khi chuyển

giao chất thải nguy hại theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Sau thời hạn 06 tháng, kể từ ngày chuyển giao chất thải nguy hại, nếu không nhận được liên cuối cùng của chứng từ chất thải nguy hại mà không có lý do hợp lý bằng văn bản từ tổ chức, cá nhân tiếp nhận chất thải nguy hại thì chủ nguồn thải chất thải nguy hại phải báo cáo cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh hoặc Bộ Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp chuyển giao chất thải y tế nguy hại để xử lý theo mô hình cụm thì sử dụng biên bản bàn giao thay cho chứng từ chất thải nguy hại.”.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 74, Các trường hợp đặc thù về quản lý nước thải, khí thải....

Bổ sung khoản 5 và khoản 6 vào sau khoản 4 như sau:

“5. Đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc các nhóm I, II, III quy định tại các Phụ lục III, IV và V ban hành kèm theo Nghị định này phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 20 m³/ngày trở lên;

b) Có phát sinh nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý đối với những cơ sở, dự án thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định này. Riêng loại hình chăn nuôi gia súc, giết mổ gia súc, gia cầm thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này;

c) Có phát sinh nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 10 m³/ngày trở lên;

d) Có phát sinh khí thải xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 1.000 m³/giờ trở lên khi đi vào vận hành chính thức.

6. Chủ dự án đầu tư, cơ sở tái sử dụng nước thải để tưới cho cây trồng theo quy định tại khoản 3 Điều này phải có phương án tái sử dụng nước thải về địa điểm, diện tích, số lượng cây, thời gian, tần suất và nêu rõ trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường hoặc có văn bản báo cáo cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh trước khi thực hiện.”.

14. Quy định chuyển tiếp:

“1. Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận để giải quyết theo thủ tục hành chính về môi trường trước ngày Nghị định này có hiệu lực (trừ các điều, khoản chuyển tiếp quy định tại Điều 168 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) thì tiếp tục được giải quyết theo quy định tại thời điểm tiếp nhận, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện theo quy định của Nghị định này.

Hồ sơ tham vấn trong đánh giá tác động môi trường đã thực hiện theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành được tiếp tục sử dụng trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính về môi trường theo quy định

của Nghị định này.

2. Dự án, cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định tại Nghị định này thì được lựa chọn tiếp tục sử dụng giấy phép môi trường đã được cấp đến hết thời hạn hoặc thực hiện các quy định khác về bảo vệ môi trường. Giấy phép môi trường đã được cấp sẽ hết hiệu lực trong trường hợp chủ dự án đầu tư, cơ sở thực hiện thủ tục đăng ký môi trường theo quy định hoặc hết hiệu lực trong trường hợp dự án, cơ sở thuộc đối tượng miễn đăng ký môi trường.

3. Dự án, cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần trong đó có nội dung nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục nhập khẩu đến hết thời hạn của giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định, cấp giấy phép môi trường đối với dự án, cơ sở đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật tại thời điểm trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Dự án không thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 56 Điều 1 Nghị định này, trừ dự án thuộc một trong các trường hợp: Nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên; nằm trên vùng biển chưa xác định trách nhiệm quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; có nguồn tiếp nhận nước thải là nguồn nước mặt liên tỉnh đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước;

b) Dự án thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 26a Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định này;

c) Cơ sở đang hoạt động tương đương với đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Thời hạn thẩm định, phí thẩm định cấp giấy phép môi trường đối với các trường hợp quy định tại khoản này được xác định theo thời hạn thẩm định, phí thẩm định như đối với dự án, cơ sở thuộc thẩm quyền thẩm định, cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Cơ sở đang hoạt động thuộc trường hợp phải có giấy phép môi trường trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường nhưng không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Nghị định này thì thực hiện việc đăng ký môi trường trước ngày 01 tháng 4 năm 2025, trừ trường hợp thuộc đối tượng miễn đăng ký môi trường.

6. Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động nhưng không có giấy phép môi trường thành phần theo quy định phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định này.

7. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường đã có kết quả thẩm định, đang thực hiện chỉnh sửa, bổ sung trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì trong thời hạn tối đa 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, chủ dự án đầu tư, cơ sở có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ gửi cơ quan cấp phép để được cấp giấy phép môi trường nhưng phải bảo đảm thời hạn phải có giấy phép môi trường theo quy định. Sau thời hạn này, việc cấp giấy phép môi trường cho dự án đầu tư, cơ sở được thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường.”.

15. Các nội dung quy định sửa đổi khác chi tiết nghiên cứu tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Sở Nông nghiệp và Môi trường trân trọng đề nghị Quý cơ quan phối hợp tuyên truyền, triển khai./. *kt*

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD và PGD Trương Kiến Thọ;
- PNNMT các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT *ky*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trương Kiến Thọ